**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
——————

**HỢP ĐỒNG THUÊ XE Ô TÔ**

**CAR LEASE CONTRACT**

(Số: …………./20………….…/HĐTX)

**(No.: …………./20………….…/HĐTX)**

- Căn cứ Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 do Quốc hội ban hành ngày 24/11/2015 ;

**- Pursuant to Civil Code No. 91/2015/QH13 promulgated by the National Assembly on November 24, 2015;**

- Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH11 do Quốc hội ban hành ngày 14/06/2005;

**- Pursuant to Commercial Law No. 36/2005/QH11 promulgated by the National Assembly on June 14, 2005;**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp hiện hành;

**- Pursuant to the current Enterprise Law;**

Hôm nay, ngày … tháng … năm …, tại địa chỉ ……

**Today, day … month … year …, at address ……**

Chúng tôi gồm có:

**We include:**

Bên cho thuê (Bên A):

**Lessor (Party A):**

\* Trường hợp là tổ chức: ……………………

**\* In case of organization: ……………………**

Địa chỉ: …………………………………………

**Address: …………………………………………**

Mã số thuế:……………………………………

**Tax code:……………………………………**

Tài khoản số: …………………………………

**Account No: ……………………………………………………**

Người đại diện pháp luật: …… Chức vụ: ……

**Legal representative: …… Position: ……**

\* Trường hợp là cá nhân: ……………………

**\* In the case of an individual: ……………………**

Sinh ngày: ………………………………………

**Date of birth: ………………………………………**

CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu số:…. cấp ngày: …

**ID card/CCCD card/Passport No:…. dated: …**

nơi cấp: …………………………………………

**issued by: …………………………………………**

Địa chỉ thường trú: …………………………...

**Permanent address: …………………………...**

Bên thuê (Bên B):

**Lessee (Party B):**

\* Trường hợp là tổ chức: ……………………...

**\* In the case of an organization: …………………….**

Địa chỉ: …………………………………………

**Address: …………………………………………**

Mã số thuế:………………………………………

**Tax code:………………………………………**

Tài khoản số: ……………………………………

**Account No: ……………………………………………………**

Người đại diện pháp luật: ……… Chức vụ: ……

**Legal representative: ………… Position: ……**

\* Trường hợp là cá nhân: ………………………

**\* In the case of an individual: ……………………**

Sinh ngày: …………………………………………

**Date of birth: …………………………………………**

CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu số: .. cấp ngày:………

**ID card/CCCD card/Passport No: .. issued date:…………**

nơi cấp: ……………………………………………

**issued by: ……………………………………………**

Địa chỉ thường trú: ………………………………

**Permanent address: ………………………………**

Hai bên cùng thỏa thuận, thống nhất ký hợp đồng với những nội dung sau:

**The two parties mutually agree and agree to sign the contract with the following contents:**

ĐIỀU 1: ĐỐI TƯỢNG VÀ NỘI DUNG

**ARTICLE 1: SUBJECTS AND CONTENTS**

Bên A đồng ý cho Bên B thuê ………. (……….) chiếc xe ô tô với thông tin sau:

**Party A agrees to lease to Party B …………. (………….) a car with the following information:**

- Loại xe: …….…… - Biển kiểm soát: ………

**- Vehicle type: …….…… - Control plate: …………**

- Số khung: …………… - Số máy: …………....

**- The frame of the machine: …………....**

- Số chỗ ngồi: ……… - Năm sản xuất: ………

**- Number of seats: ………… - Year of manufacture: …………**

- Và đầy đủ giấy tờ lưu hành theo quy định của pháp luật.

**- And full circulation papers as prescribed by law.**

- Mục đích: Bên B sử dụng tài sản thuê nêu trên vào mục đích ……………………………………………………

…………………………………………………. (Không kinh doanh vận tải)

**- Purpose: Party B uses the above leased property for the purpose of ……………………**

**……………………. (No transport business)**

ĐIỀU 2: GIÁ THUÊ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

**ARTICLE 2: RENTAL PRICE AND PAYMENT METHOD**

2.1. Đơn giá thuê: …………… đồng/tháng (bằng chữ: …………. đồng) (Giá trên đã bao gồm thuế GTGT)

**2.1. Rental unit price: …………… VND/month (in words: …………. VND) (The above price includes VAT)**

2.2. Thời gian thuê: Từ ngày …………… tháng ………. năm …….. Đến ngày ……… tháng ……….. năm ……………………....................

**2.2. Lease period: From ………… month …………. year …………. To date ………… month ………….. year ……………………..**

2.3. Hình thức thanh toán: Bằng chuyển khoản hoặc tiền mặt. Được thanh toán ……………………………………………………

(…………………………..……) tháng một lần.

**2.3. Payment method: By bank transfer or cash. Paid …………………………………………………….**

**(……………………) once a month.**

2.4. Việc giao và nhận số tiền nêu trên do hai bên tự thực hiện và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

**2.4. The delivery and receipt of the above-mentioned money shall be performed by both parties themselves and are responsible before the law.**

ĐIỀU 3: NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN CỦA BÊN A

**ARTICLE 3: OBLIGATIONS AND RIGHTS OF PARTY A**

3.1. Bên A có các nghĩa vụ sau đây:

**3.1. Party A has the following obligations:**

a) Giao xe và toàn bộ giấy tờ liên quan (giấy đăng ký xe, giấy kiểm định, giấy tờ bảo hiểm xe,…….) đến xe cho bên B đúng chất lượng và thời gian.

**a) Deliver the vehicle and all related documents (vehicle registration certificate, inspection certificate, vehicle insurance document, ......) to the vehicle to Party B with the correct quality and time.**

b) Chịu trách nhiệm pháp lý về nguồn gốc và quyền sở hữu xe.

**b) Take legal responsibility for the origin and ownership of the vehicle.**

c) Mua bảo hiểm xe và đăng kiểm xe cho các lần kế tiếp trong thời gian hiệu lực của hợp đồng.

**c) Buy car insurance and register the vehicle for the next time during the validity of the contract.**

d) Bảo đảm quyền sử dụng tài sản ổn định cho bên B.

**d) Secure the right to use the property stably for Party B.**

e) Thông báo cho bên B về quyền của người thứ ba (nếu có)đối với tài sản thuê.

**e) Notify party B of the third party's rights (if any) to the leased property.**

3.2. Bên A có các quyền sau đây:

**3.2. Party A has the following rights:**

a) Nhận đủ tiền thuê tài sản theo phương thức đã thỏa thuận;

**a) Receive full rent by the agreed method;**

b) Khi hết hạn hợp đồng, nhận lại tài sản thuê trong tình trạng như khi nhận, trừ hao mòn tự nhiên hoặc theo đúng như tình trạng đã thỏa thuận, nếu giá trị của tài sản thuê bị giảm sút so với tình trạng khi nhận thì bên A có quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại, trừ hao mòn tự nhiên;

**b) Upon the expiry of the contract, receive back the leased property in the same condition as when received, except for natural wear and tear or in the same condition as agreed, if the value of the leased asset has decreased compared to the condition when it was received. Party A has the right to claim compensation for damage, except for natural wear and tear;**

c) Đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng và yêu cầu bồi thường thiệt hại nếu Bên B có một trong các hành vi sau đây:

- Không trả tiền thuê trong ba kỳ liên tiếp;

- Sử dụng tài sản thuê không đúng mục đích, công dụng của tài sản;

- Làm tài sản thuê mất mát, hư hỏng;

- Sửa chữa, đổi hoặc cho người khác thuê lại mà không có sự đồng ý của Bên A;

**c) Unilaterally terminate the contract performance and claim compensation for damage if Party B commits one of the following acts:**

**- Failure to pay rent for three consecutive periods;**

**- Using the leased property for improper purposes and uses of the property;**

**- Loss or damage to the leased property;**

**- Repair, exchange or sublease to another person without the consent of Party A;**

ĐIỀU 4: NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN CỦA BÊN B

**ARTICLE 4: OBLIGATIONS AND RIGHTS OF THE PARTY**

4.1. Bên B có các nghĩa vụ sau đây:

**4.1. Party B has the following obligations:**

a) Bảo quản tài sản thuê như tài sản của chính mình, phải bảo dưỡng và sửa chữa, không được thay đổi tình trạng tài sản, cho thuê lại tài sản nếu không có sự đồng ý của bên A; nếu làm mất mát, hư hỏng thì phải bồi thường;

**a) Preserve the leased property as its own, must maintain and repair it, must not change the condition of the property, or sublease the property without the consent of Party A; if they cause loss or damage, they must compensate;**

b) Sử dụng tài sản thuê đúng công dụng, mục đích của tài sản;

**b) Use the leased property for the right use and purpose of the property;**

c) Trả đủ tiền thuê xe đúng thời hạn theo phương thức đã thỏa thuận;

**c) Pay the car rental in full on time according to the agreed method;**

d) Trả lại tài sản thuê trong tình trạng như khi nhận, trừ hao mòn tự nhiên hoặc theo đúng như tình trạng đã thỏa thuận; bên B phải trả tiền phạt vi phạm do chậm trả tài sản thuê nếu có thỏa thuận; bên B phải chịu rủi ro xảy ra đối với tài sản thuê trong thời gian chậm trả;

**d) Return the leased property in the same condition as when received, minus natural wear and tear or to the agreed condition; Party B must pay a penalty for late payment of the leased property if agreed upon; Party B must bear the risks to the leased property during the late payment period;**

4.2. Bên B có các quyền sau đây:

**4.2. Party B has the following rights:**

a) Nhận xe và kiểm tra kỹ xe trước khi nhận;

**a) Receive the vehicle and carefully check the vehicle before receiving;**

b) Yêu cầu bên A sửa chữa, giảm giá thuê hoặc hủy bỏ hợp đồng và yêu cầu bồi thường thiệt hại trong trường hợp bên A chậm giao xe;

**b) Request Party A to repair, reduce the rental price or cancel the contract and claim compensation for damage in case Party A is late in delivering the vehicle;**

c) Không được cho thuê lại tài sản đã thuê, trừ trường hợp được bên A đồng ý;

**c) Not to sublease the leased property, unless agreed by Party A;**

d) Đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng thuê tài sản và yêu cầu bồi thường thiệt hại nếu:

- Bên A chậm giao xe hoặc giao xe không đúng chất lượng như thỏa thuận;

- Tài sản thuê không thể sửa chữa, do đó mục đích thuê không đạt được hoặc tài sản thuê có khuyết tật mà bên B không biết;

- Có tranh chấp về quyền sở hữu đối với tài sản thuê mà bên B không được sử dụng tài sản ổn định;

**d) To unilaterally terminate the performance of the property lease contract and demand compensation for damage if:**

**- Party A is late in delivering the vehicle or delivering the vehicle with the wrong quality as agreed;**

**- The leased property cannot be repaired, so the lease purpose cannot be achieved or the leased property has defects that Party B does not know;**

**- There is a dispute over the ownership of the leased property but Party B is not allowed to use the property stably;**

ĐIỀU 5: PHƯƠNG THỨC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

**ARTICLE 5: DISPUTE SETTLEMENT METHODS**

Trong quá trình thực hiện hợp đồng mà phát sinh tranh chấp, các bên cùng nhau thương lượng giải quyết trên nguyên tắc tôn trọng quyền lợi của nhau; trong trường hợp không giải quyết được, thì một trong hai bên có quyền khởi kiện để yêu cầu toà án có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

**In the course of contract performance, if a dispute arises, the parties shall jointly negotiate and resolve on the principle of respecting each other's interests; in case of failure to settle, either party has the right to initiate a lawsuit to request a competent court to settle in accordance with law.**

ĐIỀU 6: HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

**ARTICLE 6: VALIDITY OF CONTRACT**

Hợp đồng này có hiệu lực từ kể từ ngày ký, được lập thành 02 (hai) bản, mỗi bên giữ một bản và có giá trị như nhau.

**This contract takes effect from the date of signing, is made into 02 (two) copies, each party keeps one copy and has the same value.**

|  |  |
| --- | --- |
| ĐẠI DIỆN BÊN A (**REPRESENTATIVE OF PARTY A )**  (Ký tên, đóng dấu)  **(Signature, seal)** | ĐẠI DIỆN BÊN B (**REPRESENTATIVE OF PARTY B)**  (Ký tên, đóng dấu)  **(Signature, seal)** |